TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày 02 - 02 - 2018
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Du Thị Bột.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Chiến.
Ông Nguyễn Hoàng Kha.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Huyền Trân, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1001/2017/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 (Có mặt).
- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên toà, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị X sống chung vào năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau và đã ly thân từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay. Nay anh xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên anh yêu cầu được ly hôn với chị X.

Về con chung: Có hai người con tên Nguyễn Quốc H, sinh năm 1996 và Nguyễn Quốc K, sinh năm 1997, hiện cả hai cháu H và K đã trưởng thành, tự nuôi sống được bản thân nên anh không đặt ra việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh T xác định không có.

Về nợ chung: Anh T xác định không có.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 11 tháng 01 năm 2018, bị đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống vào năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn

nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, nay anh T xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Có hai người con tên Nguyễn Quốc H, sinh năm 1996 và Nguyễn Quốc K, sinh năm 1997, hiện cả hai cháu H và K đã trưởng thành, tự nuôi sống được bản thân nên chị không đặt ra việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị X xác định không có.

Về nợ chung: Chị X xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với chị Nguyễn Thị X có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, tuy có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn, vì vậy không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại điều 14 và điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị X không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị X xác định có hai người con tên Nguyễn Quốc H, sinh năm 1996 và Nguyễn Quốc K, sinh năm 1997, hiện cả hai cháu H và K đã trưởng thành, tự nuôi sống được bản thân nên anh, chị không đặt ra việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị X xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị X xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị X là vợ chồng.

Về con chung: Có hai người con tên Nguyễn Quốc H, sinh năm 1996 và Nguyễn Quốc K, sinh năm 1997, hiện cả hai cháu H và K đã trưởng thành, tự nuôi sống được bản thân nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị X xác định không có nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị X xác định không có nên không đặt ra xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng. Vào ngày 20/12/2017, anh T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 136 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)

Du Thị Bột